

Công ty Cổ phần Everpia

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2017



Công ty Cổ phần Everpia

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 46

Công ty Cổ phần Everpia

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Everpia (gọi tắt là "Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài, Công ty TNHH Everpia Việt Nam, theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 011033000055 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh lần thứ 18 được cấp ngày 17 tháng 8 năm 2017.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2010 theo Quyết định số 247/2010/QĐ-SGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 30 tháng 11 năm 2010.

Các hoạt động chính của Công ty theo Giấy Chứng nhận Đầu tư là sản xuất, thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối (bán buôn, bán lẻ) và xuất khẩu vải không dệt, vải lọc, nỉ, chăn, ga trải giường, nệm, gối, túi ngủ, vali, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác; thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối (bán buôn, bán lẻ) và xuất khẩu hàng hóa đồ dùng nội thất bằng gỗ, bộ đồ nhà bếp vệ sinh và đồ văn phòng, kinh doanh bất động sản dưới hình thức thuê nhà và công trình xây dựng để cho thuê lại tại địa điểm dự án.

Công ty có trụ sở chính đặt tại xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội và năm chi nhánh tại Hưng Yên, Thành phố Hồ Chí Minh, Hòa Bình, Đồng Nai và Đà Nẵng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lee Jae Eun	Chủ tịch	
Ông Cho Yong Hwan	Thành viên	
Bà Lê Thị Thu Hiền	Thành viên	
Ông Yu Sung Dae	Thành viên	bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Park Sung Jin	Thành viên	bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Khắc Hùng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Lee Je Won	Thành viên	miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Văn Đào	Thành viên	miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Ngô Phương Chí	Thành viên	miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trương Tuấn Nghĩa	Trưởng ban	
Ông Kim Kyoung Rok	Thành viên	bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Choi Hyung Joon	Thành viên	bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Yu Sung Dae	Thành viên	miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Hong Sun	Thành viên	miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017

Công ty Cổ phần Everpia

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lee Jae Eun	Tổng Giám đốc	
Ông Cho Yong Hwan	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Yu Sung Dae	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2017
Ông Kwon Sung Ha	Giám đốc Tài chính	miễn nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2017
Ông Nguyễn Văn Đào	Giám đốc Hành chính	miễn nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2017
Ông Lim Jin Taek	Giám đốc Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	bổ nhiệm ngày 23 tháng 5 năm 2017
Ông Lee Je Won	Giám đốc Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	miễn nhiệm ngày 23 tháng 5 năm 2017
Ông Park Sung Jin	Giám đốc Chi nhánh Đồng Nai	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lee Jae Eun, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Everpia

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Everpia ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc



Ông Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2018

Số tham chiếu: 61110609/19317593 - HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Everpia

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Everpia ("Công ty") và các công ty con, được lập ngày 27 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 6 đến trang 46, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Thái Thành
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0402-2018-004-1

Nguyễn Mạnh Hùng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2401-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		967.784.776.618	804.991.252.918
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	131.586.803.113	79.148.811.059
111	1. Tiền		40.605.973.113	48.648.811.059
112	2. Các khoản tương đương tiền		90.980.830.000	30.500.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		187.860.000.000	73.140.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	187.860.000.000	73.140.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		245.392.766.521	243.742.976.292
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	219.073.543.239	180.180.602.822
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	9.249.395.885	6.071.660.749
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	60.773.000.000	60.773.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	9.554.592.897	6.100.750.847
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1, 6.2, 7, 8	(53.257.765.500)	(9.383.038.126)
140	IV. Hàng tồn kho	10	394.350.010.953	405.618.484.232
141	1. Hàng tồn kho		405.108.685.714	412.586.637.519
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(10.758.674.761)	(6.968.153.287)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		8.595.196.031	3.340.981.335
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	16	8.164.772.429	3.190.981.335
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		279.552.990	-
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		150.870.612	150.000.000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017


Đơn vị tính: VND

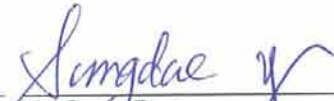
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		308.664.616.795	309.836.108.255
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	8	2.519.686.456	1.647.711.335
216	1. Phải thu dài hạn khác		3.844.575.131	2.923.038.131
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(1.324.888.675)	(1.275.326.796)
220	II. Tài sản cố định		275.586.750.070	285.736.663.309
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	266.371.606.845	274.781.108.969
222	Nguyên giá		530.905.577.919	505.473.867.741
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(264.533.971.074)	(230.692.758.772)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	71.919.283	83.274.958
225	Nguyên giá		113.556.756	113.556.756
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(41.637.473)	(30.281.798)
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	9.143.223.942	10.872.279.382
228	Nguyên giá		40.266.572.356	39.451.177.876
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(31.123.348.414)	(28.578.898.494)
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		2.638.200.000	2.638.200.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	14	-	-
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	15	2.638.200.000	2.638.200.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		27.919.980.269	19.813.533.611
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	14.476.024.569	15.147.738.448
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.3	13.443.955.700	4.665.795.163
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.276.449.393.413	1.114.827.361.173

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		359.927.108.517	155.177.746.983
310	I. Nợ ngắn hạn		164.722.042.912	108.391.290.137
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17.1	56.437.003.377	43.809.854.386
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17.2	8.994.409.919	5.647.479.131
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	18.289.156.808	26.760.029.293
314	4. Phải trả người lao động	19	14.998.237.891	11.454.147.070
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	4.908.635.738	2.546.128.909
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	5.889.541.219	1.038.688.812
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	55.205.057.960	17.134.962.536
330	II. Nợ dài hạn		195.205.065.605	46.786.456.846
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	15.166.237.507	3.849.537.782
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21	179.951.919.582	41.405.772.228
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	22	86.908.516	1.531.146.836
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	23	916.522.284.896	959.649.614.190
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	916.522.284.896	959.649.614.190
411	1. Vốn cổ phần	23.3	419.797.730.000	419.797.730.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		419.797.730.000	419.797.730.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	23.2	203.072.724.247	203.072.724.247
415	3. Cổ phiếu quỹ	23.2	(49.000.000.000)	-
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		268.875.989	(172.241.448)
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	23.5	12.968.739.200	12.055.386.440
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		329.414.215.460	324.896.014.951
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		278.495.114.387	235.281.188.675
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		50.919.101.073	89.614.826.276
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.276.449.393.413	1.114.827.361.173


Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập biểu


Yu Sung Dae
Phó Tổng Giám đốc
Phụ trách Tài chính


Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc




Hà Nội, Việt Nam


Ngày 27 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	997.890.967.052	868.969.242.139
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25.1	(3.465.659.352)	(5.054.666.284)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	994.425.307.700	863.914.575.855
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26	(664.507.032.247)	(572.836.325.077)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		329.918.275.453	291.078.250.778
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	14.402.530.080	14.457.940.475
22	7. Chi phí tài chính	27	(12.358.247.744)	(5.913.773.842)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(7.920.513.791)	(4.338.980.359)
24	8. Phần lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	14	-	(9.740.391.052)
25	9. Chi phí bán hàng	28	(128.845.594.279)	(82.114.536.494)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(139.845.737.949)	(96.447.072.433)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		63.271.225.561	111.320.417.432
31	12. Thu nhập khác		549.676.287	4.323.488.385
32	13. Chi phí khác		(570.674.656)	(2.153.863.240)
40	14. Lỗ khác		(20.998.369)	2.169.625.145
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		63.250.227.192	113.490.042.577
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	(21.656.292.114)	(28.541.011.464)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	30.3	9.325.165.995	4.665.795.163
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		50.919.101.073	89.614.826.276
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	22.1	50.919.101.073	89.614.826.276
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		-	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	1.215	2.148
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	32	1.215	2.148


Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập biểu


Yu Sung Dae
Phó Tổng Giám đốc
Phụ trách Tài chính


Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		63.250.227.192	113.490.042.577
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình, tài sản thuê tài chính và hao mòn tài sản cố định vô hình		39.987.944.098	33.317.416.821
03	Các khoản dự phòng		50.449.838.015	7.613.866.755
04	Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		246.407.100	(847.133.236)
05	(Lãi)/ lỗ từ hoạt động đầu tư		(9.714.536.783)	852.405.118
06	Chi phí lãi vay	27	7.920.513.791	4.338.980.359
08	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		152.140.393.413	158.765.578.394
09	Tăng các khoản phải thu		(41.349.683.220)	(13.832.597.823)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		1.147.841.725	(33.738.486.688)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		37.594.878.627	(297.785.985)
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(4.383.074.015)	220.589.796
14	Tiền lãi vay đã trả		(4.245.161.265)	(4.445.158.091)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả	18	(29.882.615.153)	(37.481.419.321)
17	Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh		(5.011.626.873)	(4.615.814.228)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		106.010.953.239	64.574.906.054
	II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ)		(31.217.669.959)	(45.231.657.994)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		176.854.545	501.016.182
23	Tiền chi cho vay, đầu tư ngắn hạn		(187.860.000.000)	(255.813.000.000)
24	Tiền thu cho vay, đầu tư ngắn hạn		73.140.000.000	330.965.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.121.417.402	9.692.731.378
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(142.639.398.012)	40.114.089.566

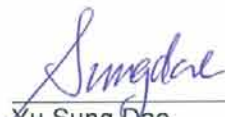
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		-	22.564.158.603
32	Tiền mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(49.000.000.000)	-
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		271.536.356.044	133.024.350.793
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(92.138.933.362)	(171.947.736.743)
35	Tiền chi trả nợ thuế tài chính		(34.078.570)	(25.057.953)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông		(41.920.159.250)	(55.897.044.106)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		88.443.184.862	(72.281.329.406)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		51.814.740.089	32.407.666.214
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4	79.148.811.059	46.536.789.925
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		623.251.965	204.354.920
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	131.586.803.113	79.148.811.059



Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập biểu



Yu Sung Dae
Phó Tổng Giám đốc
Phụ trách Tài chính



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Everpia (gọi tắt là "Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài, Công ty TNHH Everpia Việt Nam, theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 011033000055 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh lần thứ 18 được cấp ngày 17 tháng 8 năm 2017.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2010 theo Quyết định số 247/2010/QĐ-SGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 30 tháng 11 năm 2010.

Các hoạt động chính của Công ty theo Giấy Chứng nhận Đầu tư là sản xuất, thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối (bán buôn, bán lẻ), tư vấn và chuyển giao công nghệ và xuất khẩu vải không dệt, vải lọc, nỉ, chăn, ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác; thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối (bán buôn, bán lẻ) và xuất khẩu hàng hóa đồ dùng nội thất bằng gỗ và các chất liệu khác, bộ đồ nhà bếp vệ sinh và đồ văn phòng, kinh doanh bất động sản dưới hình thức thuê nhà và công trình xây dựng để cho thuê lại tại địa điểm dự án.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đặt tại xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội và năm chi nhánh tại Hưng Yên, Thành phố Hồ Chí Minh, Hòa Bình, Đồng Nai và Đà Nẵng.

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.303 người (ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.341 người).

Cơ cấu tổ chức

Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ biểu quyết, tỷ lệ lợi ích của các Công ty trong công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Công ty TNHH Everpia Cambodia

Công ty này là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 554/BKHĐT - ĐTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam cấp ngày 26 tháng 9 năm 2012. Công ty TNHH Everpia Cambodia có trụ sở chính tại số 360, đại lộ Monivong, thành phố Phnom Penh, Vương quốc Campuchia. Hoạt động chính của Công ty TNHH Everpia Cambodia là kinh doanh chăn ga trải giường, gối, nệm; tư vấn và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh và thực hiện quyền nhập khẩu, xuất khẩu theo quy định của pháp luật Campuchia.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, Công ty đã bán 100% vốn chủ sở hữu tại công ty con này.

Công ty TNHH Everpia Intermaru

Công ty con này là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 201600083 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam cấp ngày 12 tháng 1 năm 2016. Công ty TNHH Everpia Intermaru có trụ sở tại số 30-34 Ludwig-Erhard-Strasse, 65760 Eschborn, Đức. Hoạt động chính của Công ty TNHH Everpia Intermaru là kinh doanh chăn ga trải giường, gối, nệm; tư vấn và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh và thực hiện quyền nhập khẩu, xuất khẩu theo quy định của pháp luật Đức.

Tại ngày 16 tháng 3 năm 2017, Công ty đã quyết định hủy kế hoạch đầu tư vào công ty con này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Everpia Korea

Công ty này là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 201600179 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam cấp ngày 1 tháng 8 năm 2016. Công ty Cổ phần Everpia Korea có trụ sở tại số 18-104 Gil Samsung-ro, Kangnam Gu, thành phố Seoul, Hàn Quốc. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Everpia Korea là kinh doanh chăn ga trải giường, gối, nệm; tư vấn và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh và thực hiện quyền nhập khẩu, xuất khẩu theo quy định của pháp luật Hàn Quốc.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty nắm 100% tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết trong công ty con này. Tại ngày lập báo cáo này, Công ty đã góp vốn 1.000.000 đô la Mỹ (tương đương 22.710.000.000 VND), tương đương với 67% vốn điều lệ vào công ty con này.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là kế toán trên máy vi tính.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Công ty và các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu của các công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận lũy kế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|--|---|---|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và các công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Chi phí hoàn trả mặt bằng được ghi nhận là một mục thuộc tài sản nhà xưởng, vật kiến trúc và được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền tương lai để chi trả cho nghĩa vụ di dời nêu trên tại thời điểm kết thúc thời hạn thuê đất.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản (tiếp theo)

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Nhãn hiệu, kênh phân phối

Giá trị nhãn hiệu và kênh phân phối được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo giá mua trên các hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu và kênh phân phối.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	25 - 46 năm
Máy móc thiết bị	6 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	6 - 8 năm
Phương tiện vận tải	9 - 10 năm
Các tài sản cố định hữu hình khác	4 - 10 năm
Nhãn hiệu hàng hóa	20 năm
Kênh phân phối	15 năm
Phần mềm máy tính	4 năm
Các tài sản cố định vô hình khác	4 năm
Chi phí hoàn trả mặt bằng	5 năm
Tên miền	20 năm

Trong năm, Công ty đã thay đổi thời gian khấu hao của một số nhà xưởng và máy móc thiết bị tại nhà máy Đồng Nai để phù hợp với thời gian dự kiến di dời nhà máy ra khỏi Khu công nghiệp Biên Hòa vào năm 2022 theo Công văn số 548/PTKCN-XNGĐ của Tổng Công ty Phát triển Khu Công nghiệp tỉnh Đồng Nai ngày 3 tháng 7 năm 2012. Ảnh hưởng thuần của thay đổi này đến năm hiện tại là làm tăng chi phí khấu hao lên một khoản là 4.656.708.311 VND.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí đi vay (tiếp theo)

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tồn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết (tiếp theo)

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty theo hướng dẫn tài Thông tư số 15/2011/TT-BTC ngày 9 tháng 2 năm 2011 của Bộ Tài chính. Số tiền trích quỹ hàng năm được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt dựa trên kế hoạch chi tiêu cho hoạt động phát triển khoa học và công nghệ hàng năm và không vượt quá 10% thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Số tiền trích quỹ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Số tiền trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ được chấp nhận là chi phí được khấu trừ cho mục đích xác định thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong thời hạn 5 năm, kể từ năm kế tiếp năm trích lập, nếu Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích, Công ty và các công ty con sẽ phải nộp Ngân sách Nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích lập Quỹ mà không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích và phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 *Trợ cấp thôi việc phải trả*

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày kết thúc kỳ kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Bộ luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.15 *Các khoản dự phòng*

Dự phòng chung

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Dự phòng chi phí hoàn trả mặt bằng

Công ty ghi nhận một khoản dự phòng chi phí hoàn trả mặt bằng cho lô đất mà Công ty đã xây dựng nhà máy. Chi phí hoàn trả mặt bằng được ghi nhận theo giá trị dòng tiền ước tính trong tương lai phải trả cho việc thực hiện nghĩa vụ này. Chi phí này được ghi nhận là một mục trong nguyên giá của nhà cửa, vật kiến trúc và sẽ được khấu hao theo thời gian thuê của lô đất mà nhà cửa và vật kiến trúc được xây dựng trên đó. Chi phí hoàn trả mặt bằng ước tính sẽ được xem xét lại định kỳ và điều chỉnh phù hợp. Các thay đổi về giá trị tương lai ước tính được cộng thêm hay trừ ra khỏi nguyên giá của tài sản đã ghi nhận.

3.16 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty và các công ty con mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.17 Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do chuyển đổi đơn vị tiền tệ báo cáo của cơ sở nước ngoài hoạt động độc lập

Việc chuyển đổi đơn vị tiền tệ báo cáo cho mục đích kế toán được xử lý dựa trên các nguyên tắc sau:

- ▶ Đối với tài sản, tỷ giá giao dịch thực tế sử dụng để chuyển đổi báo cáo tài chính là tỷ giá mua của ngân hàng tại thời điểm báo cáo;
- ▶ Đối với nợ phải trả, tỷ giá giao dịch thực tế sử dụng để chuyển đổi báo cáo tài chính là tỷ giá bán của ngân hàng tại thời điểm báo cáo;
- ▶ Giá trị tài sản thuần của công ty con do công ty mẹ nắm giữ tại ngày mua được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ tại ngày mua;
- ▶ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày mua công ty con được quy đổi bằng cách tính toán theo các khoản mục doanh thu, chi phí của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; và
- ▶ Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Trường hợp tỷ giá bình quân kỳ báo cáo xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không quá +/- 1%) thì được áp dụng tỷ giá bình quân.

Trường hợp biên độ giao động của tỷ giá giữa thời điểm đầu kỳ và cuối kỳ trên 20% thì áp dụng theo tỷ giá cuối kỳ.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do chuyển đổi đơn vị tiền tệ báo cáo được ghi nhận như một phần riêng biệt của vốn chủ sở hữu cho đến khi thanh lý khoản đầu tư vào cơ sở nước ngoài hoạt động độc lập.

3.18 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ này được trích lập để sử dụng cho các mục đích khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Cũng theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được ủy quyền quyết định sử dụng quỹ quản lý căn cứ vào nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ được hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty và các công ty con được xác lập.

3.20 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập công ty được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.21 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

3.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	132.442.000	670.761.319
Tiền gửi ngân hàng	40.473.531.113	47.978.049.740
Các khoản tương đương tiền (*)	90.980.830.000	30.500.000.000
	131.586.803.113	79.148.811.059

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng hưởng lãi suất từ 4,2%/năm đến 6%/năm (2016: các khoản tiền có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng hưởng lãi suất từ 4,3%/năm đến 5%/năm).

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	187.860.000.000	187.860.000.000	73.140.000.000	73.140.000.000
	187.860.000.000	187.860.000.000	73.140.000.000	73.140.000.000

Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng đến 1 năm hưởng lãi suất từ 5,3%/năm đến 6,5%/năm. (2016: các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng hưởng lãi suất từ 4,3%/năm đến 5,5%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	217.987.110.420	178.974.195.038
- Công ty TNHH Everpia Cambodia	15.426.086.160	-
- Công ty TNHH Imarket Việt Nam	12.280.000.000	-
- Công ty TNHH Aeon Việt Nam - Chi nhánh Long Biên	8.843.728.976	165.640.975
- Công ty TNHH Global Garment Sourcing	6.563.563.820	4.896.229.069
- Công ty Cổ phần Welcron Global Việt Nam	6.272.624.590	7.921.768.085
- Công ty Cổ phần Đầu tư Indochina	3.873.319.811	-
- Công ty TNHH RSCO	2.822.191.036	5.186.214.570
- Đại lý AT- 278 Phố Huế	2.335.358.729	4.904.525.592
- Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Phú Trường Giang	1.985.647.843	8.660.898.816
Các khoản phải thu khách hàng khác	157.584.589.455	147.238.917.931
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	1.086.432.819	1.206.407.784
	<u>219.073.543.239</u>	<u>180.180.602.822</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(21.949.361.190)	(8.686.958.126)

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty TNHH vận chuyển quốc tế Shenzhen East Pacific	1.830.925.551	296.709.740
Công ty TNHH May Thời trang Ngân Hà	790.086.000	-
Công ty Cổ Phần Đầu tư Và Xuất nhập khẩu Ngân Hà	729.000.000	-
Công ty TNHH JM Điện Cơ Và Xây dựng Việt Nam	696.080.000	696.080.000
Công ty TNHH Dong Ha	438.585.840	464.455.050
Trả trước cho các đối tượng khác	4.764.718.494	4.614.415.959
	<u>9.249.395.885</u>	<u>6.071.660.749</u>
Dự phòng phải thu trả trước cho người bán ngắn hạn	(696.080.000)	(696.080.000)

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cho bên liên quan vay ngắn hạn (Thuyết minh số 31)	60.773.000.000	60.773.000.000
	<u>60.773.000.000</u>	<u>60.773.000.000</u>
Dự phòng phải thu về cho vay ngắn hạn	(25.365.588.640)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Lãi tiền gửi và cho vay	8.356.777.708	2.671.645.130
Tạm ứng cho nhân viên	924.516.884	636.650.166
Thuế nhập khẩu chờ hoàn	61.166.173	97.179.805
Đặt cọc, ký cược, ký quỹ	-	593.560.000
Phải thu ngắn hạn khác	212.132.132	2.101.715.746
	9.554.592.897	6.100.750.847
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi	(5.246.735.670)	-
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số 31)</i>	5.246.735.670	2.279.711.500
<i>Phải thu khác từ các đối tượng khác</i>	4.307.857.227	3.821.039.347
Dài hạn		
Cho thuê máy móc	893.491.200	893.491.200
Cho vay xờ	252.051.882	252.051.882
Phải thu nhân viên	98.599.640	98.599.640
Ký quỹ, ký cược dài hạn	2.106.486.456	1.678.895.409
Phải thu dài hạn khác	493.945.953	-
	3.844.575.131	2.923.038.131
Dự phòng phải thu dài hạn khác khó đòi	(1.324.888.675)	(1.275.326.796)

9. NỢ PHẢI THU QUÁ HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>
Công ty TNHH Everpia Cambodia	15.426.086.160	5.474.463.373	-	-
Công ty Cổ Phần Texpia	66.019.735.670	35.407.411.360	62.322.711.500	62.322.711.500
Các khoản phải thu khác	24.236.570.612	10.217.863.534	14.282.317.109	3.623.952.187
TỔNG CỘNG	105.682.392.442	51.099.738.267	76.605.028.609	65.946.663.687

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Hàng mua đang đi đường	13.112.559.991	-	13.907.889.386	-
Nguyên liệu, vật liệu	230.960.014.911	(6.431.220.743)	207.115.603.974	(688.261.204)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	22.295.952	-
Thành phẩm	153.281.165.757	(3.042.652.257)	182.552.792.701	(6.279.892.083)
Hàng hóa	7.754.945.055	(1.284.801.761)	8.988.055.506	-
	405.108.685.714	(10.758.674.761)	412.586.637.519	(6.968.153.287)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	6.968.153.287	1.703.866.848
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	9.594.318.575	5.471.789.138
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(3.068.769.813)	(207.502.699)
Trừ: Bán công ty con	(2.735.027.288)	-
Số cuối năm	10.758.674.761	6.968.153.287

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	182.094.947.025	258.080.523.546	19.645.957.115	26.517.602.606	19.134.837.449	505.473.867.741
- Mua trong năm	16.883.021.132	10.194.584.535	674.518.273	2.725.086.664	359.564.684	30.836.775.288
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.761.850.000)	-	(315.184.937)	-	(3.077.034.937)
- Giảm do bán công ty con	(872.561.600)	(1.228.695.225)	-	(154.950.400)	(71.822.948)	(2.328.030.173)
Số cuối năm	198.105.406.557	264.284.562.856	20.320.475.388	28.772.553.933	19.422.579.185	530.905.577.919
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết	827.878.509	83.309.986.181	4.024.118.538	4.585.512.469	4.106.550.975	96.854.046.672
Tài sản sử dụng để thế chấp cho khoản vay và trái phiếu (Thuyết minh số 21.2, 21.3)	195.220.167.614	165.373.614.672	71.331.818	5.670.290.909	7.422.892.658	373.758.297.671
Giá trị hao mòn:						
Số đầu năm	45.030.192.190	150.505.357.334	10.818.330.948	13.387.963.329	10.950.914.971	230.692.758.772
- Khấu hao trong năm	12.840.948.708	17.818.478.694	895.957.762	4.079.585.421	1.797.167.919	37.432.138.504
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.196.632.193)	-	(229.999.863)	-	(2.426.632.056)
- Giảm do bán công ty con	(55.431.200)	(932.148.792)	-	(112.348.942)	(64.365.212)	(1.164.294.146)
Số cuối năm	57.815.709.698	165.195.055.043	11.714.288.710	17.125.199.945	12.683.717.678	264.533.971.074
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	137.064.754.835	107.575.166.212	8.827.626.167	13.129.639.277	8.183.922.478	274.781.108.969
Số cuối năm	140.289.696.859	99.089.507.813	8.606.186.678	11.647.353.988	6.738.861.507	266.371.606.845

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

*Thiết bị văn
phòng*

Nguyên giá:

Số đầu năm	113.556.756
Thuê trong năm	-
Số cuối năm	<u>113.556.756</u>

Giá trị khấu hao lũy kế:

Số đầu năm	30.281.798
Khấu hao trong năm	<u>11.355.675</u>
Số cuối năm	<u>41.637.473</u>

Giá trị còn lại:

Số đầu năm	<u>83.274.958</u>
Số cuối năm	<u><u>71.919.283</u></u>

Đây là máy photo được thuê theo hợp đồng số B140301607 ngày 24 tháng 3 năm 2014 giữa Công ty và Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease có thời hạn 48 tháng, lãi suất 1,83%/tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Nhãn hiệu hàng hóa</i>	<i>Kênh phân phối</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tài sản cố định khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:					
Số đầu năm	23.494.500.000	7.831.500.000	7.438.284.189	686.893.687	39.451.177.876
- Mua trong năm	-	-	-	815.394.480	815.394.480
Số cuối năm	23.494.500.000	7.831.500.000	7.438.284.189	1.502.288.167	40.266.572.356
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	7.831.500.000	266.973.710	686.893.687	8.785.367.397
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số đầu năm	16.137.011.848	7.315.137.120	4.439.855.839	686.893.687	28.578.898.494
Hao mòn trong năm	1.226.248.025	516.362.880	801.839.015	-	2.544.449.920
Số cuối năm	17.363.259.873	7.831.500.000	5.241.694.854	686.893.687	31.123.348.414
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	7.357.488.152	516.362.880	2.998.428.350	-	10.872.279.382
Số cuối năm	6.131.240.127	-	2.196.589.335	815.394.480	9.143.223.942

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Đơn vị tính: VND
Công ty Cổ phần
Texpia

Giá trị đầu tư:

Số đầu năm 11.590.390.000

Số cuối năm 11.590.390.000

Phản lỗ lũy kế sau khi mua công ty liên kết:

Số đầu năm (11.590.390.000)

Phản lỗ sau khi mua công ty liên kết -

Số cuối năm (11.590.390.000)

Giá trị còn lại:

Số đầu năm -

Số cuối năm -

Công ty Cổ phần Texpia là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 472033001056 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai cấp ngày 16 tháng 10 năm 2013 và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh lần thứ 6 số 472033001056 được cấp ngày 2 tháng 6 năm 2017. Công ty Cổ phần Texpia có trụ sở tại Khu Công nghiệp Biên Hòa I, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Texpia là sản xuất và gia công các loại khăn và sản xuất, gia công các loại vải dùng may khăn.

Vào ngày 30 tháng 12 năm 2017, Công ty và Công ty Cổ phần Texpia đã ký hợp đồng chuyển nhượng dự án đầu tư ("Dự án"), qua đó, Công ty sẽ mua lại toàn bộ dự án sản xuất vải và vải dùng may khăn của Công ty Cổ phần Texpia, cụ thể: mua lại toàn bộ tài sản, máy móc thiết bị, các khoản nợ phải thu, nghĩa vụ nợ phải trả, đồng thời tiếp nhận lại toàn bộ lực lượng lao động hiện tại và duy trì các điều kiện và quyền lợi lao động hiện hành. Tại ngày lập báo cáo này, Công ty đang trong quá trình tiến hành các thủ tục để mua lại Dự án nói trên.

15. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác phản ánh giá gốc của khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bắc Ninh với số lượng cổ phiếu là 172.000 cổ phiếu và giá trị là 2.638.200.000 đồng. Công ty không xác định được giá trị hợp lý của số cổ phiếu này do cổ phiếu này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Tiền thuê mặt bằng	605.000.000	150.000.000
Phụ tùng máy móc, thiết bị sản xuất	164.379.593	645.283.827
Bảo hiểm cháy nổ	449.309.413	447.941.340
Phí quảng cáo	5.757.580.362	914.994.045
Khác	1.188.503.061	1.032.762.123
	8.164.772.429	3.190.981.335
Dài hạn		
Tiền thuê mặt bằng (*)	7.076.234.375	7.380.175.025
Tiền thuê đất ở Hòa Bình(**)	-	5.429.545.455
Tiền nội thất showroom	4.244.622.230	-
Phụ tùng máy móc, thiết bị sản xuất	2.278.825.990	1.242.478.256
Khác	876.341.974	1.095.539.712
	14.476.024.569	15.147.738.448

(*) Đây là khoản trả trước tiền thuê mặt bằng tại Tòa nhà Keangnam, Phạm Hùng, Hà Nội trong vòng 45 năm kể từ năm 2012. Tiền thuê trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 32 năm kể từ năm 2012 tương ứng với thời gian hoạt động còn lại của Công ty theo Giấy Chứng nhận Đầu tư.

(**) Trong năm 2017, Công ty đã ký phụ lục sửa đổi hợp đồng mua bán tài sản cố định nhà cửa, vật kiến trúc ngày 26 tháng 12 năm 2013. Theo đó, toàn bộ giá trị hợp đồng được điều chỉnh là giá mua bán nhà ở và tài sản gắn liền trên đất.

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

17.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Phải trả người bán ngắn hạn	54.333.221.961	54.333.221.961	43.588.754.386	43.588.754.386
- EP International Company Limited	2.869.397.818	2.869.397.818	10.648.692.462	10.648.692.462
- Phải trả cho các đối tượng khác	51.463.824.143	51.463.824.143	32.940.061.924	32.940.061.924
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 31)	2.103.781.416	2.103.781.416	221.100.000	221.100.000
	56.437.003.377	56.437.003.377	43.809.854.386	43.809.854.386

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)

17.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Bất động sản Syrena Phú Quốc	3.430.856.814	-
Công ty TNHH Hòa Bình	1.350.515.149	-
Các đối tượng khác	4.213.037.956	5.647.479.131
TỔNG CỘNG	8.994.409.919	5.647.479.131

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đơn vị tính: VND				
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Giảm do bán cty con	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	2.954.458.996	24.073.177.900	24.544.830	23.839.114.643	3.163.977.423
Thuế nhập khẩu	573.239.843	522.063.908	-	1.095.303.751	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.436.698.823	21.656.292.114	-	29.882.615.153	14.210.375.784
Thuế thu nhập cá nhân	717.881.952	10.589.732.524	16.021.370	10.376.789.505	914.803.601
Các loại thuế khác	77.749.679	550.258.362	26.914.990	601.093.051	-
	26.760.029.293	57.391.524.808	67.481.190	65.794.916.103	18.289.156.808

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí xây dựng cơ bản hoàn thành	-	2.353.120.000
Chi phí quảng cáo	1.893.927.273	-
Chi phí phải trả khác chưa nhận được hóa đơn	3.014.708.465	193.008.909
	4.908.635.738	2.546.128.909

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Lãi vay phải trả	3.961.761.775	-
Phải trả tiền coupon	1.228.693.181	588.840.909
Kinh phí công đoàn	33.978.810	4.908.000
Bảo hiểm xã hội	204.988.435	84.545.734
Phải trả ngắn hạn khác	460.119.018	360.394.169
	<u>5.889.541.219</u>	<u>1.038.688.812</u>
Dài hạn		
Dự phòng trợ cấp thôi việc	12.286.423.193	3.522.669.782
Dự phòng chi phí hoàn trả mặt bằng	2.762.996.314	-
Phải trả dài hạn khác	116.818.000	326.868.000
	<u>15.166.237.507</u>	<u>3.849.537.782</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Chênh lệch tỷ giá	Giảm do thoái vốn	Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm			Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn								
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 21.1)	-	-	116.508.269.044	(77.882.377.885)	56.044.116	-	38.681.935.275	38.681.935.275
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	25.057.953	25.057.953	34.748.831	(34.078.570)	-	-	25.728.214	25.728.214
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	14.375.104.583	14.375.104.583	16.497.394.471	(14.256.555.477)	(118.549.106)	-	16.497.394.471	16.497.394.471
Vay từ đối tượng khác	2.734.800.000	2.734.800.000	-	-	-	(2.734.800.000)	-	-
	17.134.962.536	17.134.962.536	133.040.412.346	(92.173.011.932)	(62.504.990)	(2.734.800.000)	55.205.057.960	55.205.057.960
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn								
Trái phiếu phát hành (Thuyết minh số 21.3)	-	-	150.000.000.000	-	-	-	150.000.000.000	150.000.000.000
Vay ngân hàng (Thuyết minh 21.2)	41.371.023.397	41.371.023.397	5.028.087.000	(16.497.394.471)	50.203.656	-	29.951.919.582	29.951.919.582
Nợ thuê tài chính	34.748.831	34.748.831	-	(34.748.831)	-	-	-	-
	41.405.772.228	41.405.772.228	155.028.087.000	(16.532.143.302)	50.203.656	-	179.951.919.582	179.951.919.582
	58.540.734.764	58.540.734.764	288.068.499.346	(108.705.155.234)	(12.301.334)	(2.734.800.000)	235.156.977.542	235.156.977.542

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017		Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
	VND	Nguyên tệ			
Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank")	25.080.714.544	USD 1.103.176	6 tháng kể từ ngày nhận nợ. Hạn trả gốc cuối cùng là ngày 28 tháng 5 năm 2018	2,5%	Không yêu cầu đảm bảo khoản vay
Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank")	13.601.220.731	VND 13.601.220.731	6 tháng kể từ ngày nhận nợ. Hạn trả gốc cuối cùng là ngày 11 tháng 2 năm 2018	5,5%	Không yêu cầu đảm bảo khoản vay
	<u>38.681.935.275</u>				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số dư gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017		Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
	VND	Nguyên tệ			
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	29.290.027.900	USD 1.457.488	Trong vòng 4-5 năm kể từ ngày nhận nợ. Hạn trả gốc cuối cùng là 11 tháng 6 năm 2020	Lãi suất Libor kỳ hạn 3 tháng + 2,7%/năm	Máy móc thiết bị được tài trợ, tài sản cố định trên đất tại khu Công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình thành phố Biên Hòa
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	13.886.558.880	VND 13.886.558.880	5 năm kể từ ngày nhận nợ. Hạn trả gốc cuối cùng là 24 tháng 11 năm 2020	3 năm đầu lãi suất cố định là 7%, sau đó lãi suất MFC kỳ hạn 6 tháng + 2%/năm	Máy móc thiết bị được tài trợ, tài sản cố định trên đất tại khu Công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình thành phố Biên Hòa
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	3.272.727.273	VND 3.272.727.273	5 năm kể từ ngày nhận nợ. Hạn trả gốc cuối cùng là 30 tháng 11 năm 2021	Lãi suất MFC kỳ hạn 6 tháng + 1,3%/năm	Ô tô mua bởi khoản vay này
	46.449.314.053				
<i>Trong đó:</i>					
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	16.497.394.471				
<i>Vay dài hạn</i>	29.951.919.582				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.3 Trái phiếu phát hành

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị (VND)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn	Giá trị (VND)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá (*)	150.000.000.000	7,5%	Đáo hạn vào ngày 30 tháng 8 năm 2022	-	-	
TỔNG CỘNG	150.000.000.000			-		

Theo hợp đồng đặt mua trái phiếu số 01/2017/EVE-BVB giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hưng Yên: vào ngày 25 tháng 8 năm 2017, Công ty đã phát hành 150 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 150 tỷ đồng.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này bao gồm:

- ▶ Tài sản gắn liền với đất của nhà máy Hưng Yên tại Xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên;
- ▶ Tài sản gắn liền với đất của nhà máy tại Xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội;
- ▶ Máy móc thiết bị của Công ty tại nhà máy Hà Nội và tại nhà máy Hưng Yên;
- ▶ Tài sản cố định khác từ phương án phát hành trái phiếu năm 2017.

22. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.531.146.836	2.683.121.285
Tăng trong năm:		
Trích từ lợi nhuận chưa phân phối	-	-
Giảm trong năm:		
Sử dụng quỹ trong năm	(1.444.238.320)	(1.151.974.449)
Số cuối năm	86.908.516	1.531.146.836

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Năm trước								
Số đầu năm	279.865.180.000	191.000.000.000	(10.491.434.356)	(108.571.925)	9.949.623.119	436.787.936.102	-	907.002.732.940
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	89.614.826.276	-	89.614.826.276
- Chuyển nhượng cổ phiếu quỹ	-	12.072.724.247	10.491.434.356	-	-	-	-	22.564.158.603
- Trích lập quỹ	-	-	-	-	5.677.153.321	(5.677.153.321)	-	-
- Cổ tức đã chia	139.932.550.000	-	-	-	-	(195.829.594.106)	-	(55.897.044.106)
- Chênh lệch tỷ giá từ chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con	-	-	-	(63.669.523)	-	-	-	(63.669.523)
- Sử dụng quỹ	-	-	-	-	(3.571.390.000)	-	-	(3.571.390.000)
Số cuối năm	419.797.730.000	203.072.724.247	-	(172.241.448)	12.055.386.440	324.896.014.951	-	959.649.614.190
Năm nay								
Số đầu năm	419.797.730.000	203.072.724.247	-	(172.241.448)	12.055.386.440	324.896.014.951	-	959.649.614.190
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	50.919.101.073	-	50.919.101.073
- Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(49.000.000.000)	-	-	-	-	(49.000.000.000)
- Trích lập quỹ	-	-	-	-	4.480.741.313	(4.480.741.313)	-	-
- Cổ tức đã chia	-	-	-	-	-	(41.920.159.250)	-	(41.920.159.250)
- Chênh lệch tỷ giá từ chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con	-	-	-	268.875.989	-	-	-	268.875.989
- Thoái vốn công ty con	-	-	-	172.241.448	-	-	-	172.241.448
- Sử dụng quỹ	-	-	-	-	(3.567.388.553)	-	-	(3.567.388.553)
Số cuối năm	419.797.730.000	203.072.724.247	(49.000.000.000)	268.875.989	12.968.739.200	329.414.215.461	-	916.522.284.897

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tổng số	Cổ phiếu phổ thông	Tổng số	Cổ phiếu phổ thông
Vốn cổ phần	419.797.730.000	419.797.730.000	419.797.730.000	419.797.730.000
Thặng dư vốn cổ phần	203.072.724.247	203.072.724.247	203.072.724.247	203.072.724.247
Cổ phiếu quỹ (*)	(49.000.000.000)	(49.000.000.000)	-	-
	573.870.454.247	573.870.454.247	622.870.454.247	622.870.454.247

(*) Trong tháng 12 năm 2017, Công ty đã mua lại 2.431.800 cổ phiếu quỹ.

23.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Vốn đã góp		
Số đầu năm	419.797.730.000	279.865.180.000
Tăng vốn trong năm	-	139.932.550.000
Giảm vốn trong năm	-	-
Số cuối năm	<u>419.797.730.000</u>	<u>419.797.730.000</u>
Cổ tức đã trả	(41.920.159.250)	(195.829.594.106)

Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông bất thường số 02/ĐHĐCĐ2016/NQ ngày 24 tháng 6 năm 2016, vào ngày 27 tháng 7 năm 2016, Công ty đã phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho năm 2015 với tỷ lệ 50%. Số cổ phiếu phát hành để trả cổ tức là 13.993.255 cổ phiếu, tương đương số tăng vốn cổ phần 139.932.550.000 VND.

Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên số 01/ĐHĐCĐ2017/NQ ngày 21 tháng 4 năm 2017, Công ty trả cổ tức bằng tiền mặt cho năm 2016: 10% mệnh giá (1.000 VNĐ/1 cổ phiếu).

23.4 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	41.979.773	41.979.773
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	41.979.773	41.979.773
Cổ phiếu phổ thông	41.979.773	41.979.773
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu quỹ	(2.431.800)	-
Cổ phiếu phổ thông	(2.431.800)	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	39.547.973	41.979.773
Cổ phiếu phổ thông	39.547.973	41.979.773
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành trong năm là 10.000 VND/cổ phiếu (năm 2016: 10.000 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.5 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/ĐHĐCĐ2017/NQ ngày 21 tháng 4 năm 2017 với giá trị bằng 5% lợi nhuận sau thuế được ghi trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016. Cũng theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được ủy quyền quyết định sử dụng quỹ quản lý căn cứ vào nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao nhất.

24. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	505.990	678.776
- Euro (EUR)	-	162
- Won Hàn Quốc (KRW)	1.703.462	-

25. DOANH THU

25.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	997.890.967.052	868.969.242.139
<i>Trong đó</i>		
<i>Doanh thu thành phẩm chần ga, đệm</i>	<i>671.163.206.864</i>	<i>508.516.212.616</i>
<i>Doanh thu thành phẩm bông</i>	<i>231.005.866.122</i>	<i>262.368.040.097</i>
<i>Doanh thu chần bông</i>	<i>54.555.363.670</i>	<i>78.501.474.216</i>
<i>Doanh thu bán hàng hóa khác</i>	<i>37.609.432.302</i>	<i>19.076.994.595</i>
<i>Doanh thu từ bán phế liệu</i>	<i>455.622.892</i>	<i>506.520.615</i>
<i>Doanh thu từ cung cấp dịch vụ</i>	<i>3.101.475.202</i>	<i>-</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu	(3.465.659.352)	(5.054.666.284)
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>(2.971.198.134)</i>	<i>(821.166.454)</i>
<i>Chiết khấu thương mại</i>	<i>(494.461.218)</i>	<i>(4.233.499.830)</i>
Doanh thu thuần	994.425.307.700	863.914.575.855
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thành phẩm chần ga, đệm</i>	<i>667.697.547.512</i>	<i>503.461.546.332</i>
<i>Doanh thu thành phẩm bông</i>	<i>231.005.866.122</i>	<i>262.368.040.097</i>
<i>Doanh thu chần bông</i>	<i>54.555.363.670</i>	<i>78.501.474.216</i>
<i>Doanh thu bán hàng hóa khác</i>	<i>37.609.432.302</i>	<i>19.076.994.595</i>
<i>Doanh thu từ bán phế liệu</i>	<i>455.622.892</i>	<i>506.520.615</i>
<i>Doanh thu từ cung cấp dịch vụ</i>	<i>3.101.475.202</i>	<i>-</i>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	<i>3.938.300.388</i>	<i>3,734,356,001</i>
<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên khác</i>	<i>990.487.007.312</i>	<i>860,180,219,854</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. DOANH THU (tiếp theo)

25.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi từ thoái vốn	1.381.572.833	-
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.582.936.962	10.452.656.820
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.214.420.285	3.781.683.655
Cổ tức, lợi nhuận được chia	223.600.000	223.600.000
	14.402.530.080	14.457.940.475

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn thành phẩm chân ga, đệm	480.931.418.492	378.028.139.940
Giá vốn thành phẩm bông	105.965.890.332	136.563.985.175
Giá vốn chân bông	38.927.392.125	49.478.253.855
Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác	34.438.549.123	8.765.946.107
Điều chỉnh khấu hao cho tài sản thuộc hạng mục di dời	4.243.782.175	-
	664.507.032.247	572.836.325.077

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	7.920.513.791	4.338.980.359
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.428.530.930	1.559.424.497
Chi phí tài chính khác	9.203.023	15.368.986
	12.358.247.744	5.913.773.842

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.816.696.228	2.504.655.564
- Chi phí nhân công	42.110.500.234	29.577.137.363
- Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	2.828.177.642	2.632.355.455
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.462.798.645	38.706.700.582
- Chi phí quảng cáo	34.566.481.987	-
- Chi phí khác	11.060.939.543	8.693.687.530
	128.845.594.279	82.114.536.494
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
- Chi phí nhân công	62.635.335.569	58.802.551.694
- Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	8.303.761.085	7.360.652.744
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.709.914.645	19.655.395.932
- Chi phí khác	52.196.726.650	10.628.472.063
	139.845.737.949	96.447.072.433
	268.691.332.228	178.561.608.927

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	512.495.158.258	479.652.272.869
Chi phí nhân công	196.149.450.249	169.057.422.824
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	39.987.944.098	33.317.416.821
Chi phí dịch vụ mua ngoài	57.345.614.878	61.586.419.352
Chi phí khác	97.926.274.096	19.331.673.012
	<u>903.904.441.579</u>	<u>762.945.204.878</u>

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 20% trên lợi nhuận thu được cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Công ty Cổ phần Everpia Korea có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của nước sở tại bằng 10% lợi nhuận thu được cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Các báo cáo thuế của Công ty và các Công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được diễn giải theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	21.656.292.114	28.541.011.464
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(9.325.165.995)	(4.665.795.163)
	<u>12.331.126.119</u>	<u>23.875.216.301</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận thuần trước thuế	63.250.227.192	113.490.042.577
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	12.650.045.438	22.698.008.515
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>	<i>2.572.663.207</i>	<i>4.062.308.351</i>
Các khoản chi phí không được khấu trừ thuế TNDN	805.844.443	1.026.284.618
Các khoản lỗ của các công ty con không chịu thuế	1.766.818.764	655.113.512
Các khoản lỗ của các công ty liên kết không chịu thuế	-	1.948.078.210
Các khoản điều chỉnh tăng khác	-	432.832.011
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>	<i>(2.891.582.526)</i>	<i>(2.885.100.565)</i>
Các chênh lệch tạm thời	-	(2.022.795.029)
Thu nhập không chịu thuế TNDN	-	(817.585.536)
Dự phòng đầu tư vào công ty liên kết	(2.318.078.000)	-
Lãi từ thoái vốn công ty con	(528.784.526)	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(44.720.000)	(44.720.000)
Chi phí thuế TNDN	<u>12.331.126.119</u>	<u>23.875.216.301</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

30.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Doanh thu chưa thực hiện	245.738.636	117.768.182	127.970.454	117.768.182
Các khoản giảm trừ doanh thu chưa phát hành hóa đơn	98.892.244	846.699.966	(747.807.722)	1.393.630.658
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.151.734.952	1.393.630.658	1.305.109.752	846.699.966
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	8.661.228.543	1.876.607.625	6.784.620.918	1.876.607.625
Trợ cấp thôi việc phải trả	2.342.821.143	704.533.956	1.638.287.187	704.533.956
Chi phí phân bổ dự phòng hoàn trả mặt bằng	110.519.852	-	110.519.852	-
	13.610.935.370	4.939.240.387	9.218.700.441	4.939.240.387
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu	(166.979.670)	(273.445.224)	106.465.554	(273.445.224)
	(166.979.670)	(273.445.224)	106.465.554	(273.445.224)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	13.443.955.700	4.665.795.163		
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất			9.325.165.995	4.665.795.163

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các công ty liên quan trong năm bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Texpia	Công ty liên kết	Cho vay	1.500.000.000	16.040.000.000
		Thu tiền cho vay	1.500.000.000	3.640.000.000
		Doanh thu gia công	1.168.155.045	2.851.649.941
		Lãi cho vay	3.697.024.170	4.157.661.832
		Thanh lý tài sản	-	400.000.000
		Doanh thu dịch vụ	2.699.524.473	880.000.000
		Mua hàng hóa	1.990.950.060	809.950.000
		Mua máy tính	18.639.508	-
		Mua nguyên vật liệu	156.971.015	-
		Doanh thu bán hàng hóa	70.620.870	2.706.060
		Bán nguyên vật liệu	358.719.642	-

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Ngoại trừ các khoản phải thu về cho vay trình bày tại thuyết minh số 7, số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã trích lập khoản dự phòng nợ phải thu về cho vay và lãi cho vay là 30.612.324.310 đồng liên quan đến số tiền công ty liên kết – Công ty Cổ phần Texpia- còn nợ Công ty (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Số dư cuối năm của các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)				
Công ty Cổ phần Texpia	Công ty liên kết	Gia công	59.113.327	1.206.407.784
		Doanh thu dịch vụ	648.087.098	-
		Doanh thu bán nguyên vật liệu	358.719.642	-
		Doanh thu bán hàng hóa	20.512.752	-
			1.086.432.819	1.206.407.784

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư cuối năm của các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau:

					<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>		
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 9)						
Công ty Cổ phần Texpia	Công ty liên kết	Lãi cho vay	5.246.735.670	1.549.711.500		
		Thanh lý tài sản	-	330.000.000		
		Cung cấp dịch vụ	-	400.000.000		
			5.246.735.670	2.279.711.500		
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 7)						
Công ty Cổ phần Texpia (*)	Công ty liên kết	Cho vay	60.773.000.000	60.773.000.000		
			60.773.000.000	60.773.000.000		

(*) Đây là khoản cho Công ty Cổ phần Texpia vay theo các hợp đồng được ký kết trong năm 2015 và 2016. Các khoản cho vay này có thời hạn từ 1 đến 8 tháng, lãi suất 6%/năm, không có tài sản đảm bảo.

Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 17)

Công ty Cổ phần Texpia	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	2.103.781.416	221.100.000		
			2.103.781.416	221.100.000		

Giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>			
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>		
Lương và thưởng			18.572.752.683	17.009.454.229		

32. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	50.919.101.073	89.614.826.276
Ảnh hưởng suy giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	<u>50.919.101.073</u>	<u>89.614.826.276</u>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	41.907.263	41.718.323
Ảnh hưởng suy giảm	-	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	<u>41.907.263</u>	<u>41.718.323</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.215	2.148
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.215	2.148

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất.

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty và các công ty con là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về chần, ga, gối, nệm và bông. Doanh thu các sản phẩm từ chần, ga, gối, nệm và bông chiếm tỷ trọng 95,86% tổng doanh thu trong năm. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các công ty con chủ yếu được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty và các công ty con chỉ có một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty và các công ty con không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM KẾ TOÁN

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con.


Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập biểu


Yu Sung Dae
Phó Tổng Giám đốc
Phụ trách Tài chính


Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2018